

**BỘ TƯ PHÁP
HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ
ĐẤU GIÁ LẦN THỨ NHẤT**

Số 2011 /BTP-HĐKT
V/v thông báo kết quả của kỳ kiểm tra
KQTSHN đấu giá lần thứ nhất

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 16 tháng 6 năm 2022

Kính gửi: Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương
có thí sinh tham dự kỳ kiểm tra

Thực hiện Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự, kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản và Quyết định số 646/QĐ-HĐKT ngày 13/4/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc ban hành Kế hoạch tổ chức kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá lần thứ nhất, kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá lần thứ nhất đã được tổ chức trong các ngày 21/5, 22/5/2022 tại Hà Nội.

Căn cứ kết quả chấm điểm bài kiểm tra viết và kiểm tra vấn đáp, Hội đồng kiểm tra thông báo như sau:

1. Điểm và kết quả của kỳ kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá lần thứ nhất được đăng tải trên Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (<https://moj.gov.vn/Pages/home.aspx>), Trang Bỏ trợ tư pháp thuộc Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp (<https://btp.moj.gov.vn/Pages/trang-chu.aspx>) và Cổng Thông tin điện tử quốc gia về đấu giá tài sản (<https://dgts.moj.gov.vn>).

Sở Tư pháp các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thí sinh tham dự kỳ kiểm tra có trách nhiệm thông báo kết quả của kỳ kiểm tra cho những người đã tham dự kỳ kiểm tra của địa phương mình. Những người đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra sẽ được Chủ tịch Hội đồng kiểm tra cấp giấy xác nhận đạt yêu cầu kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá; người không đạt yêu cầu của kỳ kiểm tra căn cứ vào quy định tại Điều 15 Thông tư số 06/2017/TT-BTP để quyết định việc đăng ký tham dự kỳ kiểm tra tiếp theo.

2. Thực hiện quy định tại Điều 21 Thông tư số 06/2017/TT-BTP, thí sinh không đồng ý với kết quả kiểm tra của mình có quyền đề nghị phúc tra đối với bài kiểm tra viết. Đơn đề nghị phúc tra gửi theo đường bưu điện về Cục Bỏ trợ tư pháp, Bộ Tư pháp số 58-60 Trần Phú, Ba Đình, Hà Nội (tính theo dấu bưu điện nơi gửi đi) chậm nhất là ngày 01/7/2022.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Phan Chí Hiếu (để b/c);
- Các thành viên HĐKT (để biết);
- Cổng Thông tin điện tử Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Cục BTTP.

**TM. HỘI ĐỒNG KIỂM TRA
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



**CỤC TRƯỞNG CỤC BỎ TRỢ TƯ PHÁP
Lê Xuân Hồng**



**HỘI ĐỒNG KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ
ĐẦU GIÁ LẦN THỨ NHẤT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM KỶ KIỂM TRA KẾT QUẢ TẬP SỰ HÀNH NGHỀ ĐẦU GIÁ LẦN THỨ NHẤT
(Kèm theo Công văn số 2011/BTP-HĐKT ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Hội đồng kiểm tra
kết quả tập sự hành nghề đầu giá lần thứ nhất)

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
1.	Hứa Thị Thùy	An		07/08/1985	Đắk Lắk	001/TSDG	57,75	75	Đạt	
2.	Vũ Tuấn	Anh	19/04/1980		Hà Nội	002/TSDG	22	42,5	Không đạt	
3.	Nguyễn Vũ Vương	Anh	28/04/1991		Hà Nội	003/TSDG	47,75	67	Không đạt	
4.	Đỗ Phương	Anh		16/10/1986	Hải Dương	004/TSDG	52	50	Đạt	
5.	Hoàng Ngọc	Anh	21/12/1989		Hải Phòng	005/TSDG	81	75	Đạt	
6.	Phạm Thị Vân	Anh		30/10/1990	Quảng Ninh	006/TSDG	50,5	70	Đạt	
7.	Nguyễn Thị Vân	Anh		09/09/1983	Quảng Trị	007/TSDG	50	50	Đạt	
8.	Trần Thanh	Bình	13/12/1958		Nghệ An	008/TSDG	20	15	Không đạt	
9.	Nguyễn Thị Kim	Bông		02/11/1992	Phú Yên	009/TSDG	61,5	50	Đạt	
10.	Nguyễn Hồng	Cầm		29/12/1976	Cà Mau	010/TSDG	39	40	Không đạt	
11.	Trương Văn	Can	19/10/1992		Cần Thơ	011/TSDG	52	75	Đạt	
12.	Phí Thị Hồng	Chiên		28/01/1980	Hải Dương	012/TSDG	54,5	77,5	Đạt	
13.	Nguyễn Quốc	Chiến	20/05/1986		TP. Hồ Chí Minh	013/TSDG	52	56,5	Đạt	

Handwritten signature

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
14.	Nguyễn Ngọc	Chín	01/02/1961		Phú Thọ	014/TSDG				Bỏ thi
15.	Nguyễn Hồng	Chung	08/10/1978		Hà Nội	015/TSDG				Bỏ thi
16.	Hồ Văn	Chung	12/10/1980		Nghệ An	016/TSDG	50,25	65	Đạt	
17.	Nguyễn Thị	Cúc		13/09/1963	Nam Định	017/TSDG	18	33	Không đạt	
18.	Ngô Thị	Cúc		22/12/1989	Quảng Ninh	018/TSDG	14,5	37,5	Không đạt	
19.	Vũ Minh	Cương	06/11/1984		Ninh Bình	019/TSDG	43,5	57,5	Không đạt	
20.	Nguyễn Bá	Cường	23/10/1990		Hà Nội	020/TSDG	51	82,5	Đạt	
21.	Trần Việt	Dân	22/09/1970		Hà Nội	021/TSDG	51,5	72,5	Đạt	
22.	Trần Phan	Diên	22/10/1982		Hà Nội	022/TSDG				Bỏ thi
23.	Phạm Xuân	Diên	12/04/1993		Lâm Đồng	023/TSDG	69	53	Đạt	
24.	Dương Văn	Diên	22/03/1974		Lạng Sơn	024/TSDG	25,5	70	Không đạt	
25.	Phạm Minh	Đông	07/08/1977		Hà Nội	025/TSDG	47,5	56	Không đạt	
26.	Đinh Công	Đức	13/07/1976		Hà Nội	026/TSDG	33,5	56,5	Không đạt	
27.	Hoàng Minh	Đức	09/03/1986		Vĩnh Phúc	027/TSDG				Bỏ thi
28.	Trần Thị	Dung		05/08/1974	BR-VT	028/TSDG	55	52	Đạt	
29.	Lương Thúy	Dung		18/10/1978	Hà Nội	029/TSDG	55	56,5	Đạt	
30.	Mai Thị	Dung		01/10/1991	Vĩnh Phúc	030/TSDG	50,5	60	Đạt	
31.	Trần Đình	Dũng	07/12/1990		Đắk Lắk	031/TSDG	37,25	59	Không đạt	
32.	Vương Trung	Dũng	20/04/1984		Hà Nội	032/TSDG				Hoãn thi
33.	Nguyễn Hoàng	Dũng	25/12/1983		Hải Phòng	033/TSDG	51	64	Đạt	
34.	Phạm	Dũng	16/08/1960		Quảng Ngãi	034/TSDG				Bỏ thi
35.	Nguyễn Tiến	Dũng	15/02/1991		Thanh Hóa	035/TSDG	85	52,5	Đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
36.	Chu Mạnh	Được	06/02/1987		Nam Định	036/TSDG	79	65	Đạt	
37.	Hồ Hữu	Dương	11/10/1991		Nghệ An	037/TSDG	38	71	Không đạt	
38.	Cao Văn	Dương	23/12/1989		Quảng Ninh	038/TSDG	59	38	Không đạt	
39.	Đinh Tư	Dương	19/02/1980		Thái Bình	039/TSDG	25	26	Không đạt	
40.	Nguyễn Như	Duy	08/11/1985		Hòa Bình	040/TSDG				Hoãn thi
41.	Phạm Văn	Giang	09/05/1973		Hà Nội	041/TSDG	02	60	Không đạt	
42.	Nguyễn Hữu	Giang	10/02/1985		Thanh Hóa	042/TSDG	32,5	30	Không đạt	
43.	Nguyễn Phi	Giáp	04/07/1984		Hà Tĩnh	043/TSDG	66	80	Đạt	
44.	Trần Vĩnh	Hà	28/05/1977		Hà Nội	044/TSDG	58	40	Không đạt	
45.	Nguyễn Đình	Hà	19/08/1991		Nghệ An	045/TSDG	69,5	77,5	Đạt	
46.	Nguyễn Thị Thu	Hà		18/09/1989	Ninh Bình	046/TSDG	51,5	75	Đạt	
47.	Văn Sỹ	Hải	13/03/1981		Hà Nội	047/TSDG	18,5	77,5	Không đạt	
48.	Phạm Hồng	Hải	04/11/1981		Hà Nội	048/TSDG				Bỏ thi
49.	Phan Ngọc	Hải	07/11/1980		Ninh Thuận	049/TSDG	53,5	75	Đạt	
50.	Bùi Thị	Hải		22/06/1990	Thanh Hóa	050/TSDG	52,75	42,5	Không đạt	
51.	Lê Thị	Hải		07/05/1991	Thanh Hóa	051/TSDG	61,5	40	Không đạt	
52.	Phan Thanh	Hàng		09/10/1983	Hà Nội	052/TSDG	55,5	65	Đạt	
53.	Lương Thị Thu	Hàng		15/05/1990	Hải Phòng	053/TSDG				Bỏ thi
54.	Nguyễn Thị	Hàng		19/01/1991	Nghệ An	054/TSDG				Hoãn thi
55.	Dương Thị Bích	Hạnh		15/11/1980	Hà Nội	055/TSDG	50,5	70	Đạt	
56.	Nguyễn Thị	Hạnh		08/08/1994	Hà Tĩnh	056/TSDG	79,5	72,5	Đạt	
57.	Lê Quốc	Hiền	09/10/1958		Thanh Hóa	057/TSDG	51	77,5	Đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
58.	Nguyễn Hữu	Hiển	26/09/1979		Hà Nội	058/TSDG	58	75	Đạt	
59.	Đặng Đức	Hiệp	12/08/1987		Hải Phòng	059/TSDG	62,5	87,5	Đạt	
60.	Nguyễn Sỹ	Hiệp	21/03/1980		Thanh Hóa	060/TSDG	31,25	60	Không đạt	
61.	Bùi Mạnh	Hiếu	04/02/1957		BR-VT	061/TSDG				Bỏ thi
62.	Lê Ngọc	Hồ	15/04/1958		Nghệ An	062/TSDG				Bỏ thi
63.	Phạm Thị Hồng	Hoa		19/09/1985	Bến Tre	063/TSDG				Bỏ thi
64.	Nguyễn Thị	Hoa		12/04/1983	Hà Nội	064/TSDG	77,25	85	Đạt	
65.	Lê Thị	Hoa		27/07/1976	Thanh Hóa	065/TSDG	44	52,5	Không đạt	
66.	Đinh Thị	Hòa		07/5/1985	Hà Nội	066/TSDG	59	37,5	Không đạt	
67.	Nguyễn Quang	Hòa	15/11/1976		Hà Nội	067/TSDG	81	92,5	Đạt	
68.	Nguyễn Hữu	Hòa	11/08/1988		Ninh Bình	068/TSDG	45	67,5	Không đạt	
69.	Trần Thị	Hoài		14/08/1988	Nam Định	069/TSDG	59,75	90	Đạt	
70.	Bùi Xuân	Hoài	15/11/1977		Nghệ An	070/TSDG	57,75	70	Đạt	
71.	Phạm Văn	Hoàng	15/09/1991		Hà Nội	071/TSDG	57	72,5	Đạt	
72.	Trần Thị	Hồi		03/6/1984	Hà Nội	072/TSDG	58	77	Đạt	
73.	Phan Thị Lam	Hồng		10/01/1978	Hà Nội	073/TSDG	50	54,5	Đạt	
74.	Nguyễn Thị Hải	Huế		24/10/1974	Hà Nội	074/TSDG				Hoãn thi
75.	Lê Thị	Huệ		05/08/1987	Thanh Hóa	075/TSDG	50	48	Không đạt	
76.	Nguyễn Thanh	Hùng	04/09/1975		Cà Mau	076/TSDG	50,5	82,5	Đạt	
77.	Mai Đức	Hùng	10/01/1982		Hà Nội	077/TSDG	35	76	Không đạt	
78.	Lưu Hải	Hưng	07/03/1982		Đắk Lắk	078/TSDG	34	71	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
79.	Hoàng Quốc	Hùng	17/01/1981		Hà Nội	079/TSDG				Bỏ thi
80.	Lê Văn	Hùng	28/12/1973		Hà Nội	080/TSDG	32,75	55	Không đạt	
81.	Lê Duy	Hùng	07/06/1981		Hải Phòng	081/TSDG	31,5	73	Không đạt	
82.	Nguyễn Thị Mai	Hương		24/06/1977	Hà Nội	082/TSDG	51,5	70	Đạt	
83.	Nguyễn Thị Thanh	Hương		04/07/1981	Hải Phòng	083/TSDG	55	69	Đạt	
84.	Trần Thị Mai	Hương		01/10/1991	Quảng Ninh	084/TSDG	73	84	Đạt	
85.	Lê Thị	Hương		24/10/1991	Quảng Bình	085/TSDG	68,25	78	Đạt	
86.	Phạm Quang	Huy	11/07/1991		Bình Thuận	086/TSDG	65,5	77,5	Đạt	
87.	Từ Thị Thu	Huyền		29/04/1978	Hà Nội	087/TSDG	56,25	58	Đạt	
88.	Phạm Thị	Huyền		28/09/1991	Hà Nội	088/TSDG	70	59,5	Đạt	
89.	Vũ Thị Thu	Huyền		15/12/1989	Nam Định	089/TSDG	70	63	Đạt	
90.	Võ Hoàng	Kha	16/08/1987		Tiền Giang	090/TSDG	53	56	Đạt	
91.	Tạ Văn	Khắc	29/09/1965		Hòa Bình	091/TSDG	52	56	Đạt	
92.	Đặng Văn	Khải	02/06/1985		Hà Nội	092/TSDG	51	52,5	Đạt	
93.	Nguyễn Đức Minh	Khánh	15/05/1993		Hà Nội	093/TSDG	70,5	70	Đạt	
94.	Hoàng Minh	Khánh	07/01/1971		Hải Phòng	094/TSDG	50,5	53	Đạt	
95.	Nguyễn Quốc	Khánh	29/09/1979		Thái Nguyên	095/TSDG	31,5	60	Không đạt	
96.	Lê Xuân	Khoa	13/01/1980		Hà Nội	096/TSDG				Bỏ thi
97.	Nguyễn Văn	Khoa	05/05/1960		Nghệ An	097/TSDG	60	48,5	Không đạt	
98.	Đào Trung	Kiên	19/11/1976		Hà Nội	098/TSDG				Bỏ thi
99.	Nguyễn Thanh	Lâm	19/08/1977		Hà Nội	099/TSDG	56	56	Đạt	
100.	Lê Thị	Lan		12/07/1990	Quảng Bình	100/TSDG	53,75	71	Đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
101.	Nguyễn Thị	Làn		14/06/1985	Hà Nội	101/TSDG				Bỏ thi
102.	Võ Văn	Leo	11/07/1958		Hậu Giang	102/TSDG	30	50,5	Không đạt	
103.	Nguyễn Văn	Linh	21/06/1980		Thanh Hóa	103/TSDG	35,75	50,5	Không đạt	
104.	Nguyễn Ngọc	Lợi	04/03/1987		Hà Nội	104/TSDG	46,5	57	Không đạt	
105.	Nguyễn Hưng	Long	21/12/1976		Đồng Tháp	105/TSDG				Bỏ thi
106.	Vũ Hoàn	Long	05/05/1974		Hà Nội	106/TSDG	51,5	80,5	Đạt	
107.	Võ Công	Lượn	22/04/1982		Hà Nội	107/TSDG	50	67,5	Đạt	
108.	Nguyễn Ngọc	Luyến	12/08/1978		Bắc Giang	108/TSDG	50,5	74,5	Đạt	
109.	Đỗ Tuyết	Mai		01/05/1978	Hà Nội	109/TSDG	46,5	41,5	Không đạt	
110.	Chu Thị Tuyết	Mai		27/09/1989	Hải Phòng	110/TSDG	65	87,5	Đạt	
111.	Nguyễn Hữu	Mạnh	26/04/1985		Hà Nội	111/TSDG	54,5	48	Không đạt	
112.	Bùi Vũ Tài	Minh	06/05/1981		Hà Nội	112/TSDG	55,5	50	Đạt	
113.	Phí Văn	Minh	12/05/1989		Hà Nội	113/TSDG	59,75	88,5	Đạt	
114.	Trịnh Đức	Minh	23/08/1980		Vĩnh Phúc	114/TSDG				Bỏ thi
115.	Đoàn Văn	Mộng	01/01/1991		Cần Thơ	115/TSDG				Bỏ thi
116.	Văn Minh	Nam	05/11/1973		Lào Cai	116/TSDG	39,75	64	Không đạt	
117.	Trần Quang	Nam	25/12/1960		Quảng Ngãi	117/TSDG				Bỏ thi
118.	Lê Thị Thanh	Nga		12/06/1978	Hà Nội	118/TSDG	35	62	Không đạt	
119.	Lê Bá	Ngân	07/01/1987		An Giang	119/TSDG	63	38,5	Không đạt	
120.	Nguyễn Thị Thu	Ngân		05/06/1989	Tiền Giang	120/TSDG	52	66	Đạt	
121.	Lê Văn	Nghĩa	26/05/1957		Nghệ An	121/TSDG				Bỏ thi
122.	Nguyễn Ngô Tuấn	Nghĩa	10/04/1982		Ninh Thuận	122/TSDG	46	41	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
123.	Trần Thị Thúy	Ngọc		27/11/1977	Hà Nội	123/TSDG	38,5	67	Không đạt	
124.	Hoàng Thị Bích	Ngọc		26/10/1991	Hà Nội	124/TSDG				Bỏ thi
125.	Huỳnh Thanh	Ngung		02/09/1987	Tiền Giang	125/TSDG	50	72,5	Đạt	
126.	Đinh Đắc	Nguyễn	02/04/1989		Thái Bình	126/TSDG	43,5	50	Không đạt	
127.	Đinh Thị	Nhài		19/01/1988	Nam Định	127/TSDG	38,75	70	Không đạt	
128.	Nguyễn Thị	Nhàn		26/09/1991	Hà Nội	128/TSDG	57	42,5	Không đạt	
129.	Nguyễn Thị Thanh	Nhàn		18/04/1983	Sơn La	129/TSDG	66,75	52,5	Đạt	
130.	Nguyễn Trọng	Nhiều	29/11/1958		Hà Tĩnh	130/TSDG	65,75	52,5	Đạt	
131.	Vũ Thị Hồng	Nhung		02/05/1986	Đồng Nai	131/TSDG	30,5	75	Không đạt	
132.	Trương Thị	Nhung		25/12/1985	Nghệ An	132/TSDG	63	60	Đạt	
133.	Lê Văn	Niêm	19/02/1957		Hà Tĩnh	133/TSDG	28,25	52,5	Không đạt	
134.	Vũ Thị Thùy	Ninh		02/12/1994	Hà Nội	134/TSDG	83	50	Đạt	
135.	Nguyễn Thị	Nụ		16/04/1990	Hà Nội	135/TSDG	51	72,5	Đạt	
136.	Nguyễn Thị Thanh	Nữ		05/04/1991	TP. Hồ Chí Minh	136/TSDG	60,75	65	Đạt	
137.	Nguyễn Quốc	Oanh	03/01/1977		Nghệ An	137/TSDG	23,25	57,5	Không đạt	
138.	Lê Thị	Oanh		22/10/1994	Thanh Hóa	138/TSDG	48	65	Không đạt	
139.	Trần Ngọc	Phong	10/05/1978		Hà Nội	139/TSDG	26	50	Không đạt	
140.	Hoàng Nam	Phong	06/01/1975		Hải Dương	140/TSDG				Bỏ thi
141.	Trần Công	Phú	20/09/1982		Thái Bình	141/TSDG	44	50	Không đạt	
142.	Phạm Văn	Phúc	10/04/1953		Nghệ An	142/TSDG				Bỏ thi
143.	Tạ Minh	Phuong	24/01/1982		Hà Nội	143/TSDG				Hoãn thi
144.	Nguyễn Thành	Quân	25/09/1983		Hòa Bình	144/TSDG	43	75	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
145.	Bạch Hưng	Quân	06/09/1991		Nghệ An	145/TSDG	42	55	Không đạt	
146.	Đỗ Minh	Quang	09/07/1983		Hà Nội	146/TSDG	34	62,5	Không đạt	
147.	Ngô Thanh	Quảng	20/03/1979		Kon Tum	147/TSDG				Bỏ thi
148.	Đình Thế	Quý	02/11/1989		Đắk Lắk	148/TSDG	30	47,5	Không đạt	
149.	Vương Thị	Quý		13/12/1983	Hà Nội	149/TSDG	40	57,5	Không đạt	
150.	Phan Thị	Quyên		20/04/1989	Đắk Lắk	150/TSDG				Bỏ thi
151.	Nguyễn Thị	Quyên		27/10/1992	Hà Tĩnh	151/TSDG	53	74	Đạt	
152.	Nguyễn Mạnh	Quỳnh	05/11/1969		Hà Tĩnh	152/TSDG	55	78,5	Đạt	
153.	Châu Thị	Sinh		30/04/1989	Đắk Lắk	153/TSDG	35,25	62,5	Không đạt	
154.	Nguyễn Sỹ	Sinh	07/02/1985		Hải Phòng	154/TSDG	23,5	54	Không đạt	
155.	Dương Kim	Son	10/02/1975		Hà Nội	155/TSDG	50,5	52,5	Đạt	
156.	Huỳnh Thanh	Son	14/05/1961		TP. Hồ Chí Minh	156/TSDG				Bỏ thi
157.	Võ Thanh	Sử	10/05/1982		TP. Hồ Chí Minh	157/TSDG				
158.	Phan Thị	Sự		27/06/1957	Nghệ An	158/TSDG	28,5	46	Không đạt	
159.	Tăng Minh	Tâm	02/03/1991		Cần Thơ	159/TSDG	50	45	Không đạt	
160.	Đàm Đức	Tâm	24/12/1988		Hà Nội	160/TSDG	52	68,5	Đạt	
161.	Nguyễn Thị	Tầm		30/11/1992	Hà Nội	161/TSDG	66	75	Đạt	
162.	Đỗ Thanh	Tân	18/07/1990		TP. Hồ Chí Minh	162/TSDG				Bỏ thi
163.	Đinh Văn	Thắng	01/05/1989		Đà Nẵng	163/TSDG	52,5	59	Đạt	
164.	Nông Văn	Thắng	10/06/1982		Điện Biên	164/TSDG	50,5	54	Đạt	
165.	Ngô Quang	Thắng	03/08/1973		Hà Nội	165/TSDG	50	36,5	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
166.	Nguyễn Viết	Thắng	30/04/1975		Hà Tĩnh	166/TSDG	50	58	Đạt	
167.	Trịnh Văn	Thắng	20/05/1985		Hải Phòng	167/TSDG	65,5	56,5	Đạt	
168.	Lưu Thị Kim	Thanh		13/03/1988	Hà Nội	168/TSDG				Bỏ thi
169.	Nguyễn Lam	Thanh		16/03/1990	Quảng Trị	169/TSDG	75	79	Đạt	
170.	Nguyễn Thị Thanh	Thanh		04/06/1989	TP. Hồ Chí Minh	170/TSDG	87,5	79	Đạt	
171.	Lê Trung	Thành	18/03/1983		Hà Nội	171/TSDG	51	73,5	Đạt	
172.	Đoàn Thị	Thảo		26/11/1984	Ninh Bình	172/TSDG	57,5	71,5	Đạt	
173.	Hoàng Thị	Thêu		24/04/1980	Bắc Kạn	173/TSDG	50,5	72	Đạt	
174.	Nguyễn Tiến	Thì	09/04/1981		Hà Nội	174/TSDG				Bỏ thi
175.	Lê Văn	Thiện	22/06/1976		Thanh Hóa	175/TSDG	28	53	Không đạt	
176.	Nguyễn Thế	Thọ	30/06/1983		TP. Hồ Chí Minh	176/TSDG	52,75	45,5	Không đạt	
177.	Hoàng Thị Kim	Thoa		05/03/1983	TP. Hồ Chí Minh	177/TSDG	50,5	78,5	Đạt	
178.	Phạm Thị Hoài	Thu		20/10/1983	Bắc Ninh	178/TSDG	57	71,5	Đạt	
179.	Hoàng Thị	Thương		05/06/1989	Nam Định	179/TSDG				Bỏ thi
180.	Lê Thị	Thương		20/07/1987	Thanh Hóa	180/TSDG	45,5	64	Không đạt	
181.	Nguyễn Thị	Thúy		20/04/1993	Bắc Giang	181/TSDG				Hoãn thi
182.	Nguyễn Thị Thanh	Thúy		15/11/1974	Hải Phòng	182/TSDG	53,5	50	Đạt	
183.	Lê Vĩnh	Thuy	14/02/1986		Hà Nội	183/TSDG	52	50	Đạt	
184.	Đỗ Thủy	Tiên		13/08/1960	TP. Hồ Chí Minh	184/TSDG	50	65	Đạt	
185.	Phạm Mạnh	Tiến	02/11/1984		Hà Nội	185/TSDG	50,75	71	Đạt	
186.	Nguyễn Quang	Tiến	12/07/1989		Hà Nội	186/TSDG	43	45	Không đạt	
187.	Nguyễn Nam	Triển	09/11/1976		Hà Nội	187/TSDG	34	50	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
188.	Hoàng Văn	Tiến	07/09/1986		Quảng Bình	188/TSBG	46	50	Không đạt	
189.	Nguyễn Văn	Toản	10/03/1965		Hải Phòng	189/TSBG				Bỏ thí
190.	Trần Thị	Trâm		17/12/1983	Hà Nội	190/TSBG	57	37	Không đạt	
191.	Nguyễn Thị	Trâm		27/11/1987	Nghệ An	191/TSBG	64	45	Không đạt	
192.	Triệu Thị	Trang		15/12/1990	Hà Nội	192/TSBG	54	70	Đạt	
193.	Nguyễn Thị	Trang		05/09/1988	Quảng Ninh	193/TSBG	44,25	58	Không đạt	
194.	Trần Văn Hiến	Trung	28/10/1983		Tây Ninh	194/TSBG	50,75	50,5	Đạt	
195.	Nghiêm Quang	Trường	15/10/1993		Hà Nội	195/TSBG	52	40,5	Không đạt	
196.	Nguyễn Đức	Tuân	02/02/1978		Bắc Giang	196/TSBG	52	65	Đạt	
197.	Phạm Ngọc	Tuân	30/01/1985		Bình Định	197/TSBG				Bỏ thí
198.	Trần Anh	Tuân	05/09/1990		Nghệ An	198/TSBG	63,5	80,5	Đạt	
199.	Lê Văn	Tuân	25/09/1991		Ninh Bình	199/TSBG	54	67,5	Đạt	
200.	Trình Thị	Tuân		11/11/1990	Thanh Hóa	200/TSBG	64,5	61	Đạt	
201.	Lê Anh	Tuân	06/09/1982		Thanh Hóa	201/TSBG				Bỏ thí
202.	Trần Thanh	Tùng	10/11/1985		Hà Nội	202/TSBG	50,5	54	Đạt	
203.	Nguyễn Anh	Tùng	25/08/1989		Hà Tĩnh	203/TSBG	51	50	Đạt	
204.	Nguyễn Xuân	Tùng	18/10/1987		Ninh Thuận	204/TSBG	50	60	Đạt	
205.	Lê Huy	Tùng	18/11/1988		Tuyên Quang	205/TSBG	54	50	Đạt	
206.	Bùi Thị	Tuyền		13/09/1985	Hà Nội	206/TSBG	15	60	Không đạt	
207.	Vũ Thị Ánh	Tuyệt		19/08/1987	Đắk Lắk	207/TSBG	60,5	62,5	Đạt	
208.	Bùi Thị	Tuyệt		15/08/1993	Ninh Bình	208/TSBG	54,5	62,5	Đạt	
209.	Nguyễn Thị Ánh	Tuyệt		01/01/1982	Thanh Hóa	209/TSBG	39,5	55	Không đạt	

Stt	Họ	Tên	Ngày sinh		Địa phương	Số báo danh	Điểm kiểm tra		Kết quả	Ghi chú
			Nam	Nữ			Viết	Vấn đáp		
210.	Trần Thị	Vân		24/05/1982	Hải Dương	210/TSBG	42	60	Không đạt	
211.	Nguyễn Mai Anh	Việt	12/08/1984		Hà Nội	211/TSBG	36,75	55	Không đạt	
212.	Trình Thị Thùy	Vinh		05/11/1983	BR-VT	212/TSBG				Bỏ thi
213.	Nguyễn Đình	Vương	20/05/1994		TP. Hồ Chí Minh	213/TSBG	55	45	Không đạt	

HỘI ĐỒNG KIỂM TRA

